TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ST** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HS-ST
Ngày 20-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ST, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lâm Thị Ánh T;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Hồng H;

2. Bà Nguyễn Thị Kim N.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị T, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Văn L – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

Đinh Rô B, sinh ngày 27 tháng 4 năm 1973, tại xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn HE, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12;

Dân tộc: Ca Dong; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Đinh Long T và bà Đinh Thị Y;

Vợ: Đã ly hôn; Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất 2001.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Đình T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1971, tại xã TG, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn RN, xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Đình D và bà Hồ Thị Đ;

Vợ: Phạm Thị C.

Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Bị hại: Công ty Cổ Phần xây dựng LL 9, địa chỉ: Thôn RN, xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đậu Phi Kh – Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần xây dựng LL 9, địa chỉ: Số 33, Ngõ 184 VT V, TX, Hà Nội; ủy quyền cho ông Vũ Văn Tr, sinh năm 1992 – kỹ sư của Công ty Cổ Phần xây dựng LL 9, địa chỉ: Thôn 02, xã LH, huyện ML, tỉnh Quảng Ngãi, theo Giấy ủy quyền số 06/UQ-LC9 ngày 28 tháng 3 năm 2022.

Trú tai: TTDL, huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Đinh Văn S, sinh năm: 1997, địa chỉ: Thôn RN, xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi;

- Ông Mai Văn V, sinh năm: 1993, địa chỉ: xã ST, huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi;

- Ông Vũ Thành S1, sinh năm: 1986, địa chỉ: Thôn NT2, xã NP, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi;

- Ông Đoàn Xuân B, sinh năm: 1991 – Cán bộ Công ty TNHH MTV Năng lượng Sovico Quảng Ngãi; địa chỉ: Thôn RN, xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người bào chữa cho bị cáo:

- Ông Đoàn Nhật N – TGVPL – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: 108 Phan Đình Phùng, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi bào chữa cho bị cáo Đinh Rô B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 3/2021 đến tháng 4/2022, Đinh Rô B được Công ty Cổ phần xây dựng LL 9, địa chỉ thôn RN, xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi thỏa thuận, thuê thực hiện nhiệm vụ: *"chấm số lượng xe chở đá từ trạm nghiền đá của công ty và báo cáo số lượng cho ông Vũ Văn Tr – là kỹ sư của Công ty"*. Sau một thời gian, công ty tạm ngừng hoạt động. Do chưa bố trí được công việc, nên B tiếp tục ở lại khu nhà ở của công ty tại thôn RN, xã ST (không được giao quản lý tài sản). Vì chỉ có B thường xuyên ở lại tại công trường của công ty nên B nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của công ty bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Lần thứ nhất:

Khoảng tháng 10/2021, B chủ động đến nhà Nguyễn Đình T tại thôn RN, xã ST, huyện ST để đặt vấn đề với T về việc B muốn bán 01 máy mô tơ (có đặc điểm: máy mô tơ công nghiệp, màu xanh nước biển, dài khoảng 80cm, rộng khoảng 40cm, nặng khoảng 120kg) đặt tại công trường của Công ty LL 9 cho T. Nghe vậy T đồng ý. Ngày hôm sau, T vào công trường xem mô tơ và thỏa thuận trả cho B 1.000.000 đ *(một triệu đồng)*. Sau đó, T điều khiển xe ô tô con nhãn hiệu U-oát *(UAZ)* BKS 76A-053.20 của mình, chở theo Đinh Văn S, sinh năm 1997, trú tại thôn RN, xã ST, huyện ST *(tên thường gọi ở nhà là N)* đi vào công trường để lấy mô tơ. T và S khiêng máy mô tơ đặt lên thùng phía sau xe U – oát và đưa cho B số tiền 1.000.000 đ *(một triệu đồng)* rồi chở máy mô tơ về nhà. T trả tiền công cho S 50.000 đồng *(năm mươi nghìn đồng)*. Vài ngày sau, T bán máy mô tơ này cho anh Mai Văn V, sinh năm 1993, trú tại xã ST, huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi *(là người đi mua phế liệu lưu động)* với giá 2.600.000 đồng *(hai triệu sáu trăm nghìn đồng)*. Sau đó, anh V tháo rời máy mô tơ này ra thành nhiều phần khác nhau để bán cho các nhà máy phế liệu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15/HĐĐG ngày 02/6/2022, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện ST *(Hội đồng định giá)* kết luận: 01 *(một)* máy mô tơ công nghiệp (kể trên), tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 2.625.000đ *(Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).*

Lần thứ 2: Khoảng tháng 12/2021, T đến nhà ở tập thể *(nhà ở bảo vệ)* của Công ty LL 9 và trực tiếp đặt vấn đề với B: muốn mua 03 tấm sắt (loại dùng để làm khuôn trộn bê tông) với giá 2.500.000 đồng *(hai triệu năm trăm nghìn đồng)* và 01 máy mô tơ màu xám tro với giá 100.000 đ *(một trăm nghìn đồng)*. Nghe vậy, B đồng ý. Trưa cùng ngày, T điều khiển xe ô tô U-oát BKS 76A-053.20 chở theo Vũ Thành S1, sinh năm 1986, trú tại xã NP, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi đi đến trạm xay nghiền đá của Công ty LL 9. T và S1 sử dụng máy hàn gió đá *(T mượn trước đó của Đoàn Xuân B, sinh năm 1991, là cán bộ Công ty* TNHH MTV *Năng lượng Sovico Quảng Ngãi tại thôn RN, xã ST, huyện ST và chở theo trên xe ô tô)* để cắt 03 tấm sắt thành 08 tấm sắt nhỏ hơn. T và S1 cùng khiêng sắt và máy mô tơ bỏ lên hàng ghế sau của xe u-oát chở về nhà T. Tối cùng ngày, việc B bán 03 tấm sắt cho T bị ông Lê Bá B1 – Phó Giám đốc Công ty LL 9 phát hiện. Ông B1 yêu cầu B và T trả lại 03 tấm sắt. Nghe vậy, B gọi điện thoại báo cho T. Sáng hôm sau, T hàn 08 tấm sắt thành 03 tấm như ban đầu và chở trả lại cho Công ty. B trả lại cho T số tiền 2.500.000đ *(hai triệu năm nghìn đồng),* đối với máy mô tơ T giữ sử dụng cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 13/HĐĐG, ngày 01/6/2022, Hội đồng định giá kết luận: 01 (một) máy mô tơ màu xám tro tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 800.000đ *(Tám trăm nghìn đồng)*; 03 (ba) tấm sắt tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 3.780.000đ *(Ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).*

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 19/HĐĐG, ngày 22/8/2022, Hội đồng định giá kết luận: 01 (một) xe ô tô con, nhãn hiệu UOAT, màu sơn: xanh, số chổ ngồi: 05, số khung: 091971, số máy: 70108847, biển số đăng ký 76A-05320 có trị giá 4.900.000đồng *(Bốn triệu chín trăm nghìn đồng)*.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Đình T khai nhận: Từ năm 2017 đến đầu năm 2021, T làm đầu mối cung cấp thực phẩm (gạo, rau, cá, thịt…) cho Công nhân của Công ty LL 9 nên biết rõ những tài sản Đinh Rô B đề nghị bán là tài sản của Công ty LL 9; B chỉ là công nhân của công ty nên không có quyền lấy bán những tài sản này. Tuy nhiên, vì ham lợi và biết rõ công ty hiện tạm ngưng hoạt động, chỉ có B ở tại công trường nên khi B gợi ý bán T lập tức đồng ý ngay.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Công ty CPXD LL 9 số tiền 2.625.000đồng *(hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*. Riêng bị cáo B là người dân tộc thiểu số, sống trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức và am hiểu pháp luật hạn chế. Vì vậy, bị cáo B được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; bị cáo Nguyễn Đình T được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên, các bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đều đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Đối với Đinh Văn S, Vũ Thành S1 là người được Nguyễn Đình T thuê để khiêng máy mô tơ và các tấm sắt lên xe ô tô U – oát: Quá trình điều tra xác định S và S1 không biết việc T và B thực hiện hành vi trộm cắp các tài sản này; không biết đây là tài sản của công ty và chỉ làm theo yêu cầu của T. Do đó, không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đinh Văn S và Vũ Thành S1.

- Đối với Mai Văn V: là người mua máy mô tơ từ T. Tuy nhiên, anh V không biết tài sản này là do T phạm tội mà có. Do đó, cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với Đoàn Xuân B là người cho T mượn máy hàn gió đá để T cắt các tấm sắt nhưng thời điểm T mượn máy hàn, B không biết T mượn để làm gì nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Ngoài các tài sản bị Đinh Rô B và Nguyễn Đình T chiếm đoạt kể trên, Công ty CPXD LL 9 còn báo mất 10 máy mô tơ tại trạm xay nghiền đá trong công trường của Công ty. Tuy nhiên, quá trình điều tra, Công ty không cung cấp được hóa đơn, chứng từ, giấy tờ, tài liệu về đặc điểm, số lượng, chủng loại của các tài sản này nên Cơ quan điều tra không đủ tài liệu để xác định tài sản này trên thực tế, không có cơ sở kết luận. Do đó, cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh xử lý sau.

- Ngoài ra, tại cơ quan điều tra, Nguyễn Đình T khai nhận: Khoảng đầu tháng 01 năm 2022, Nguyễn Đình T, Đinh Văn Th, sinh năm 1982; Đinh Văn B, sinh năm 1990; Đinh Văn K, sinh năm 1987; Đinh Văn N, sinh năm 1998, cùng trú tại thôn RN, xã ST cùng tham gia trộm cắp 01 máy mô tơ có kích thước 80cm x 40cm, chưa rõ chủng loại và 01 tấm gắn để máy mô tơ bằng kim loại có kích thước 0,5m x 02m tại công trường của Công ty SĐ 406, địa chỉ thôn RN, xã ST; Đinh Văn Th, Đinh Văn B, Đinh Văn K, Đinh

Văn N khai nhận cùng tham gia trộm cắp 01 mô tơ kích thước 40 x 25cm tại công trường của Công ty SĐ 406.

Cơ quan điều tra đã tiến hành các hoạt động điều tra, xác minh các tình tiết liên quan. Ngày 25/4/2022, Cơ quan điều tra đã ban hành Thông báo số 26/TB-CSĐT về việc truy tìm chủ sở hữu các tài sản nêu trên cho Công ty SĐ 406 và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Tuy nhiên, đến nay chưa có tổ chức, cá nhân nào đến trình báo về việc mất các loại tài sản có đặc điểm như nêu trên. Dó đó, cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh và đề nghị xử lý sau.

Tại Bản cáo trạng số 02/CT-VKSST, ngày 26/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST truy tố các bị cáo Nguyễn Đình T, Đinh Rô B về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Đình T, Đinh Rô B về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS và căn cứ vào tính chất, nhân thân và mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng như sau:

- Bị cáo Nguyễn Đình T áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 và Điều 65 của BLHS để xử phạt bị cáo T từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản"

- Bị cáo Đinh Rô B áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 và Điều 65 của BLHS đề nghị xử phạt bị cáo B với mức án từ 08 (tám) đến 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản".

- Đối với vật chứng gồm: + 01 (một) máy mô tơ màu xám tro, dài 32cm, cao 20cm, rộng, nặng 20kg, trên thân mô tơ có in khắc dòng chữ nổi "Điện cơ An Phát"; 03 *(ba)* tấm kim loại *(bằng sắt)*, mỗi tấm đều có kích thước là: dài 185cm, rộng 100cm, nặng 180kg/tấm. Tổng cộng 03 *(ba)* tấm nặng 540kg. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là Công ty Cổ Phần xây dựng LL 9 theo đúng quy định của pháp luật.

+ 01 xe ô tô con nhãn hiệu U-oát (UAZ), số máy: 70108847, số khung: 091971, màu xanh, BKS 76A-053.20, đã qua sử dụng, bị hư hỏng. đây là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Đình T và bà Pạm Thị C, nên đề nghị tịch thu xung quỷ ½ giá trị của 01 xe ô tô con nhãn hiệu U-oát (UAZ), số máy: 70108847, số khung: 091971, màu xanh, BKS 76A-053.20,

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, Nguyễn Đinh T và Đinh Rô B đã tự nguyện bồi thường cho Công ty CPXD Lũng Lô 9 số tiền 2.625.000 đồng. Công ty LL 9 không có yêu cầu khác.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Đinh Rô B: Về tội danh thống nhất với Viện kiểm sát, người bào chữa nêu quan điểm; bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận

thức pháp luật còn hạn chế, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã cùng bị cáo Nguyễn Đình T khắc phục hậu quả do mình gây ra đồng thời bên bị hại cũng có xin giảm án cho cả 2 bị cáo tại phiên tòa hôm nay vì vậy: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS để xử phạt bị cáo B mức hình phạt 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, Đồng thời đề nghị HĐXX xét miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Đinh Rô B thống nhất với quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn S, Vũ Thành S1, Đoàn Xuân B và Mai Văn V khi tham gia cùng với bị cáo T thuê, mượn và bán đều không biết là tài sản bất hợp pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đình T, Đinh Rô B không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia phiên tòa: Việc vắng mặt của Đinh Văn S, Vũ Thành S1, Đoàn Xuân B và Mai Văn V không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] *Về hành vi phạm tội*: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đình T, Đinh Rô B khai nhận: vào khoản tháng 10/2021, B đến nhà Nguyễn Đình T để gợi ý với T về việc B muốn bán 01 máy mô tơ (có đặc điểm: máy mô tơ công nghiệp, màu xanh nước biển, dài khoảng 80 cm, rộng khoảng 40cm, nặng khoảng 120kg) đặt tại công trường của Công ty LL9. Nghe vậy T đồng ý. Ngày hôm sau, T vào công trường xem mô tơ và thỏa thuận đưa cho B 1.000.000 đ *(một triệu đồng)*. Sau đó, T điều khiển xe ô tô con nhãn hiệu U-oát *(UAZ)* BKS 76A-053.20 của mình, chở theo Đinh Văn S, sinh năm 1997, trú tại thôn RN, xã ST, huyện ST *(tên thường gọi ở nhà là Nũa)* đi vào công trường để lấy mô tơ. T và S khiêng máy mô tơ đặt lên thùng phía sau xe U – oát và đưa cho B số tiền 1.000.000 đ *(một triệu đồng)* rồi chở máy mô tơ về nhà. T trả tiền công cho S 50.000 đồng *(năm mươi nghìn đồng)*. Vài ngày sau, T bán máy mô tơ này cho anh Mai Văn V, sinh năm 1993, trú tại xã ST, huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi *(là người đi mua phế liệu lưu động)* với giá 2.600.000 đồng *(hai triệu sáu trăm nghìn đồng)*. Sau đó, anh V tháo rời máy mô tơ này ra thành nhiều phần khác nhau để bán cho các nhà máy phế liệu.

Khoảng tháng 12/2021, T đến nhà ở tập thể *(nhà ở bảo vệ)* của Công ty LL 9 trực tiếp gợi ý với B về việc muốn lấy 03 tấm sắt (loại dùng để làm khuôn trộn bê tông) và đưa cho B 2.500.000 đồng *(hai triệu năm trăm nghìn đồng)* và 01 máy mô tơ màu xám tro đưa B 100.000 đ *(một trăm nghìn đồng)*. Nghe vậy, B đồng ý. Trưa cùng ngày, T điều khiển xe ô tô U-oát BKS 76A-053.20 chở theo Vũ Thành S1, sinh năm 1986, trú tại xã NP, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi đi đến trạm xay nghiền đá của Công ty LL. T và S1 sử dụng máy hàn gió đá *(T mượn trước đó của Đoàn Xuân B, sinh năm 1991, là cán bộ Công ty* TNHH MTV *Năng lượng Sovico Quảng Ngãi tại thôn RN, xã ST, huyện ST và chở theo trên xe ô tô)* để cắt 03 tấm sắt thành 08 tấm sắt nhỏ hơn. T và S1 cùng khiêng sắt và máy mô tơ bỏ lên hàng ghế sau của xe u-oát chở về nhà T. Tối cùng ngày, sự việc B và T lấy trộm 3 tấm sắt bị ông Lê Bá B1 – Phó Giám đốc Công ty LL 9 phát hiện. Ông B1 yêu cầu B và T trả lại 03 tấm sắt. Nghe vậy, B gọi điện thoại báo cho Nguyễn Đình T. Sáng hôm sau, Nguyễn Đình T hàn 08 tấm sắt thành 03 tấm như ban đầu và chở trả lại cho Công ty. Đinh Rô B trả lại cho Tân số tiền 2.500.000đ *(hai triệu năm nghìn đồng),* đối với máy mô tơ T giữ sử dụng cá nhân.

Khi thực hiện hành vi trộm cắp, các bị cáo Nguyễn Đình T, Đinh Rô B có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, các bị cáo nhận thức được tài sản mà các bị cáo xâm phạm thuộc quyền sở hữu của người khác, các bi cáo lén lút, tránh sư phát hiện của chủ sở hữu để trộm cắp tài sản đem bán để lấy tiền tiêu sài cá nhân hành vi trộm cắp tài sản là sai trái và vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với lần 1 trộm cắp có giá trị là 2.625.000đ *(Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*,lần 2 trôm cắp có giá trị 3.780.000đ *(Ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng)*. Nên Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] *Về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ:*

+*Tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

+*Tình tiết giảm nhẹ*: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Đình T, Đinh Rô B đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; Đinh Rô B là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế; đồng thời các bị cáo đã khắc phục hậu quả bằng hình thức trả lại một phần tiền cho người bị hại, bên cạnh đó cả 2 bị cáo đều được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, cần xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa cho của bị cáo Đinh Rô B về các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo và xin miễn án phí cho bị cáo theo quy định. Hội đồng không chấp nhận mức hình phạt mà bên người bào chữa đưa ra đối với bị cáo B, bởi vì mức hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo đối với bị cáo B là quá nhẹ so với hành vi phạm tội của bị cáo và không đủ tính răn đe giáo dục.

Tuy nhiên xét tính chất mức độ hành vi của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy lần thứ nhất là Đinh Rô B gợi ý, lần thứ hai Nguyễn Đình T là người xúi dục Đinh Rô B trộm cắp, trong điều kiện hoàn cảnh Đinh Rô B đang bị bên Công ty chưa trả lương, bản thân B cũng đã nhiều lần nói với Công ty trong việc thanh toán lương, bên cạnh đó B cũng suy nghĩ nông cạn rằng trộm tài sản của Công ty thì không bị phát hiện nên đã thực hiện hành vi trôm cắp cùng với Nguyễn Đình T.

[5] *Đánh giá tính chất vụ án:* Hành vi của các bị cáo Nguyễn Đình T, Đinh Rô B là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác, các bị cáo nhận thức được mức độ nguy hiểm do hậu quả của hành vi trộm cắp nhưng vẫn cố tình thực hiên hành vi trộm cắp tài sản của người khác, gây tổng thiệt hại là 7.205.000 đ (*Bảy triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng*), làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương, hoang mang dư luận quần chúng nhân dân.

Xét các bị cáo mặc dù đã phạm tội 2 lần nhưng vì là tội ít nghiêm trọng, gây hậu quả không lớn, bên cạnh đó các bị cáo đều có 3 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, cả 2 bị cáo đều có chỗ ở rõ ràng nên Hôi đồng xét xử đối chiếu với qui định tai điểm b mục 5 Điều 1 Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và áp dung điều 65 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để cho các bi cáo đươc hưởng án treo.

[6] *Về những người tham gia tố tụng khác*: Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận.

Ông Đinh Văn S, Vũ Thành S1, Đoàn Xuân B1 và Mai Văn V đều không biết việc Nguyễn Đình T Và Đinh Rô B trộm cắp tài sản của Công ty Cổ Phần xây dựng LL 9 đem bán nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Bên đại diện bị hại không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Đình T, Đinh Rô B bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về xử lý vật chứng*:

+ 01 (một) máy mô tơ màu xám tro, dài 32cm, cao 20cm, rộng, nặng 20kg, trên thân mô tơ có in khắc dòng chữ nổi "Điện cơ An Phát"; 03 *(ba)* tấm kim loại *(bằng sắt),* mỗi tấm đều có kích thước là: dài 185cm, rộng 100cm, nặng 180kg/tấm. Tổng cộng 03 *(ba)* tấm nặng 540kg. ngày 06/6/2022 cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp theo qui đinh tại khoản khoản 2 Điều 47 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015. Nên Hộ đồng xét xử không xem xét.

+ 01 xe ô tô con nhãn hiệu U-oát (UAZ), số máy: 70108847, số khung: 091971, màu xanh, BKS 76A-053.20, đã qua sử dụng, bị hư hỏng. Đây là phương tiên vận chuyển tài sản trộm cắp nhưng xe ô tô này là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Nguyễn Đình T và bà Phạm Thị C vì vây Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung quỹ ½ 01 xe ô tô con nhãn hiệu U-oát (UAZ), số máy: 70108847, số khung: 091971, màu xanh, BKS 76A-053.20,

đã qua sử dụng, bị hư hỏng là phù hợp với điểm a, khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015

[9] *Về án phí*: Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

- Đinh Rô B là người dân tộc thiểu số, ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễm án phí. Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử sẽ miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Căn cứ vào kết quả xét xử tại phiên Tòa và tài liệu có trong hồ sơ vụ án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 và Đều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị các cáo Nguyễn Đình T và bị cáo Định Rô B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 8 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Đinh Rô B 7 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Đình T cho Ủy ban nhân dân xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi nơi bị cáo Nguyễn Đình T cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Đình T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát và giáo dục bị cáo Nguyễn Đình T.

Giao bị cáo Đinh Rô B cho Ủy ban nhân dân xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi nơi bị cáo Đinh Rô B cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Đinh Rô B có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát và giáo dục bị cáo Đinh Rô B.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tuyên tịch thu sung quĩ ½ số tiền 4.900.000đ *(Bốn triệu chín trăm nghìn đồng)* giá trị 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu U-oát (UAZ), số máy: 70108847, số khung: 091971, màu xanh, BKS 76A-053.20, đã qua sử dụng, hiện bi cáo Nguyễn Đình T đang quản lý.

4. Về án phí:

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Đinh Rô B.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu 200.000đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện ST;
- CQCSĐT Công an huyện ST;
- Cơ quan THAHS huyện ST;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Q.Ngãi;
- UBND xã ST, xã SM;
- Chi cục THADS huyện STy;
- Các bị cáo, Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Lâm Thị Ánh T